

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Đào.

Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Duy Khoa- Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXX-ST ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn M, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lộc H, Xã Mai L, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Lộc H, Xã Mai L, Huyện Đ, Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn Du N, Xã Mai L, Huyện Đ, Hà Nội.

Có mặt: Anh M.

Vắng mặt: Chị H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26/02/2019 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn, anh Phan Văn M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Ngô Thị H ngày 06/3/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai L, huyện Đ, Hà Nội. Thực tế, anh kết hôn với chị H lần đầu năm 2005, do vợ chồng có mâu thuẫn nên năm 2007 anh và chị H đã ly hôn. Sau đó, hai anh chị lại quay về chung sống cùng nhau và đăng ký kết hôn lại. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại thôn Du N, xã Mai L, huyện Đ, Hà Nội. Vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2016 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Anh và chị H sinh được 02 con chung là Phan Quang V, sinh ngày 13/6/2007 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2015. Hiện cháu V đang ở với anh, cháu Quỳnh A đang ở với chị H. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu V, để chị Hiên nuôi cháu Quỳnh A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn, chị Ngô Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị nhất trí với phần trình bày của anh M về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng nhau tại thôn Lộc H, xã Mai L, huyện Đ, Hà Nội. Cuộc sống của vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2016. Nay anh M xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Chị và anh M sinh được 02 con chung là Phan Quang V, sinh ngày 13/6/2007 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2015. Hiện cháu V đang ở với anh M, cháu Quỳnh A đang ở với chị. Ly hôn, chị nhất trí để anh M nuôi cháu V, chị nuôi cháu Quỳnh A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H và yêu cầu được nuôi cháu V.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M về việc xin ly hôn chị H.

Về con chung: Giao cho anh M trực tiếp nuôi cháu V, chị H trực tiếp nuôi cháu Quỳnh A.

Tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

Vụ án thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thẩm quyền*: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện Đ, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

{2} Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

{3} Về nội dung:

{3.1} Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn M kết hôn với chị Ngô Thị H năm 2006, có đăng ký kết hôn. Năm 2007, anh M và chị H đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đ. Sau đó, hai anh chị quay về chung sống cùng nhau và đăng ký kết hôn lại ngày 06/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Mai L, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn Lộc H, xã Mai L, huyện Đ, Hà Nội. Vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2016 đến nay. Như vậy, hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M xin ly hôn, chị H đồng ý. Nhưng do chị hiên vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn mà quyết định giải quyết cho anh M được ly hôn chị H là phù hợp pháp luật.

{3.2} Về con chung: anh M và chị H sinh được 02 con chung là Phan Quang V, sinh ngày 13/6/2007 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2015. Hiện cháu V đang ở với anh M, cháu Quỳnh A đang ở với chị H. Cháu V có nguyện vọng được ở với bố.

Ly hôn, anh chị thỏa thuận để anh M nuôi cháu V, chị H nuôi cháu Quỳnh A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do đó, cần giao cháu V cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quỳnh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

{3.3} Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh M, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{4} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 56, 81, 82 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn M về việc xin ly hôn chị Ngô Thị H.

Anh Phan Văn M được ly hôn chị Ngô Thị H.

2. Về con chung: Anh Phan Văn M và chị Ngô Thị H sinh được 02 con chung là Phan Quang V, sinh ngày 13/6/2007 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2015.

Giao cho anh Phan Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Quang V, sinh ngày 13/6/2007.

Giao cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2015.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung của anh, chị thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh M, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phan Văn M và chị Ngô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Phan Văn M phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0008467 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh M đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm, anh Phan Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Mai Lâm (Giấy CNKH số: 13/2015 ngày 06/3/2015).
- Chi cục THADS huyện Đông Anh.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân